

Bản án số: 978/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 7 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn;

Bà Nguyễn Thị Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 467/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 370/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Số đường Nguyễn Thế T, phường Tân SN, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số đường Nguyễn Thái S, Phường, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà H và ông C tự nguyện tìm hiểu, sống chung, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01 ngày 02/01/2018 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ P, huyện H, tỉnh K cấp.

Sau khi kết hôn, bà và ông C phát sinh nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau về quan điểm sống. Vợ chồng đã nhiều lần hòa giải và nhờ gia đình can thiệp nhưng không có kết quả và không tìm được tiếng nói chung. Bà và ông C đã sống ly thân và không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2023 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn để mỗi bên ổn định cuộc sống, bà khởi kiện yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngân K, sinh ngày 22/12/2018.

Bà H yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con vì từ lúc sinh cháu cho đến nay bà là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con. Bà có công việc, thu nhập ổn định đủ để nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Nguyễn Minh C trình bày:

Ông thừa nhận cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn, Bà H ngoại tình, ông và Bà H đã ly thân và không còn chung sống với nhau từ tháng 6/2023 cho đến nay. Vì vậy, ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của Bà H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngân K, sinh ngày 22/12/2018.

Ông có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Theo ông trình bày, ông đang thuê nhà trọ tại đường Nguyễn Thái Sơn, Phường 5, quận Gò Vấp và có dự định chuyển về nhà bố mẹ ruột tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp để sinh sống cùng và thuận lợi cho việc chăm sóc cháu Nguyễn Ngân K vì có sự trợ giúp của ông bà nội. Hiện tại ông đã nghỉ việc từ tháng 3/2023 cho đến nay, ông có số tiền tích góp được 50.000.000 đồng và ông có dự định sẽ cùng mẹ ruột kinh doanh mua bán lúa gạo để có thu nhập sinh sống.

Ông không đồng ý giao con cho Bà H nuôi dưỡng, do công việc của Bà H đi làm cả ngày không có thời gian chăm sóc con. Ông cho rằng Bà H có hành vi không phù hợp đạo đức để nuôi con vì bà ngoại tình, bà có khó khăn về kinh tế và đang thuê nhà trọ, bà cản trở cho cháu K về thăm ông bà nội trong dịp hè. Ông không yêu cầu Bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà H trình bày: Bà yêu cầu được ly hôn với Ông C. Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ K vì bà có công việc, thu nhập ổn định, trẻ K từ khi sinh ra đến nay đều do bà nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà không yêu cầu Ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông C trình bày: Ông đồng ý ly hôn với Bà H. Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi trẻ K, hiện tại ông chưa có việc làm và không có thu nhập, ông dự định sẽ về quê tại Đồng Tháp sinh sống cùng với bố, mẹ ruột và nhờ sự hỗ trợ của bố mẹ, trẻ K học ở quê chi phí sẽ giảm bớt gánh nặng cho người chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông không yêu cầu Bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như đương sự chấp hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án: Ông C đồng ý ly hôn với Bà H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của Bà H và Ông C.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngân K, sinh ngày 22/12/2018. Trẻ K đang do Bà H chăm sóc, nuôi dưỡng, Bà H có việc làm, thu nhập ổn định, đồng thời trẻ Khánh cũng sắp vào lớp 1. Hiện tại, Ông C chưa có việc làm và thu nhập nên đề nghị Hội đồng xét xử giao trẻ Khánh cho Bà H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với Ông C đây là tranh chấp về ly hôn. Ông C cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Căn cứ Điều 05 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết trong phạm vi vấn đề đương sự có yêu cầu, những vấn đề liên quan đến vụ án đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không giải quyết.

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 02/01/2018 của Ủy ban nhân dân xã Mỹ P, huyện H, tỉnh K Giang thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Bà H giữ yêu cầu ly hôn, Ông C đồng ý ly hôn với Bà H, xét đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về con chung: Có 01 con chung Nguyễn Ngân K, sinh ngày 22/12/2018. Bà H và Ông C đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung; Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ thì cả hai đều thuê nhà ở; xét về mặt tình cảm, mức độ gần gũi, sự gắn bó giữa cha, mẹ là Bà H, Ông C đối với con chung là ngang nhau.

Bà H là nhân viên Công ty TNHH Sứ Bật, mức thu nhập trung bình hàng tháng là hơn 16.000.000 đồng, theo giấy xác nhận bảng lương và sổ bảo hiểm xã hội của Bà H.

Ông C trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Ông C xác định hiện tại chưa có việc làm, không có thu nhập ổn định. Ông C có nộp cho Tòa bản kế hoạch

nuôi dưỡng và chăm sóc con sau khi ly hôn thì ông sẽ đưa con rời khỏi Thành phố Hồ Chí Minh về sống cùng nhà ông bà nội tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Ông bà nội sẽ hỗ trợ ông về tài chính, chỗ ở để ông nuôi dưỡng con vì ông bà nội có nhà riêng và có thu nhập ổn định. Kế hoạch Ông C đưa ra chỉ là dự định trong tương lai.

Hơn nữa, từ khi sinh ra cho đến nay cháu Ngân Khánh trực tiếp ở với Bà H nên để ổn định sự phát triển tâm lý của trẻ về mọi mặt thì yêu cầu của Bà H về việc được trực tiếp nuôi con chung là có cơ sở để chấp nhận. Ông C yêu cầu được nuôi con không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của Bà H không yêu cầu Ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 271, Khoản 1, Khoản 3 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Minh C thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 01 ngày 02/01/2018 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ P, huyện H, tỉnh K hết hiệu lực.

1.2/ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Giao trẻ Nguyễn Ngân K, sinh ngày 22/12/2018 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà H không yêu cầu Ông C cấp dưỡng nuôi con.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3/ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng. Bà H phải chịu. Cấn trừ vào số tiền Bà H đã tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0013199 ngày 16/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4/ Về quyền kháng cáo: Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND xã Mỹ P, huyện H, tỉnh K;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Hoàng Thị Chinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán

Phạm Nguyễn Anh Tuấn

Nguyễn Thị Ân

Hoàng Thị Chinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán

Võ Thành Viên

Võ Thị Mai

Hoàng Thị Chinh

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- UBND Phường 01, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Chinh

